

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TUY AN  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 09/9/2022

V/v Xin ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN, TỈNH PHÚ YÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Xuân Hương.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Võ Kỳ Tùng và ông Trần Sáu.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 62/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2022 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

\* *Nguyên đơn:* Chị **Võ Thị S** - sinh năm 1990; Hộ khẩu thường trú: thôn H, xã D, huyện A, tỉnh Phú Yên. Ở hiện nay: thôn S, xã T, huyện H, tỉnh Phú Yên. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

\* *Bị đơn:* Anh **Hồ Xuân N** - sinh năm 1987; Hộ khẩu thường trú: thôn H, xã D, huyện A, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn chị Võ Thị S trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh N kết hôn tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã D, huyện A, tỉnh Phú Yên chứng nhận ngày 01/9/2009. Thời gian hôn nhân hạnh phúc. Nhưng anh N nhiều lần có người phụ nữ khác bên ngoài, chị có khuyên nhủ nhưng anh N không thay đổi. Chị đã từng nộp đơn đến Tòa án nhân dân huyện Tuy An để xin ly hôn, anh N hứa thay đổi nên rút đơn khởi kiện. Nhưng sau khi rút đơn khởi kiện, anh N vẫn lặp lại sự việc. Hiện nay chị và anh N không còn sống chung với nhau, không quan tâm nhau. Bản thân thấy không hàn gắn hạnh phúc với anh N được nữa, hôn nhân không đạt được. Yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn với anh N.

- Về con chung: Trong thời gian hôn nhân chị và anh N có 03 con chung tên Hồ Xuân Q – sinh ngày 14/02/2010, Hồ Thị Xuân U – sinh ngày 07/8/2015 và Hồ Minh T – sinh ngày 24/5/2020. Các con chung hiện đang sống cùng anh N và ông bà nội. Vì ông bà nội chỉ có 01 con là anh N nên chị và anh N đã tự thỏa thuận, chị nhường quyền nuôi các con chung cho anh N để các cháu gần gũi ông bà nội. Chị cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng)/cháu. Thời gian cấp dưỡng tháng 8/2022.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo tài liệu có tại hồ sơ vụ án, Tòa án nhân dân huyện Tuy An đã tiến hành hòa giải, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn là anh Hồ Xuân N nhưng anh N không đến Tòa án, không thực hiện nghĩa vụ của đương sự và vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

Chị S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt giữ nguyên yêu cầu.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Võ Thị S khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Hồ Xuân N. Bị đơn có hộ khẩu tại huyện A, tỉnh Phú Yên. Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên thụ lý vụ án tranh chấp ly hôn và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Hồ Xuân N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt nên căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa.

Về nội dung: Nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn bị đơn. Các đương sự có đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp. Giữa chị S và anh N xảy ra mâu thuẫn, chị S có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: chị S và anh N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã D, huyện A, tỉnh Phú Yên chứng nhận ngày 01/9/2009. Đây là hôn nhân hợp pháp, chị S đề nghị Tòa án cho ly hôn vì trong quá trình sống chung, giữa anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn, do anh N có phụ nữ bên ngoài, chị S nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh N không nghe, chị S và anh N không còn sống chung với nhau. Hội đồng xét xử thấy giữa chị S và anh N không tìm được tiếng nói chung, quan hệ hôn nhân giữa anh chị đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị S.

Về con chung: chị S và anh N có 03 con chung là Hồ Xuân Q – sinh ngày 14/02/2010, Hồ Thị Xuân U – sinh ngày 07/8/2015 và Hồ Minh T – sinh ngày 24/5/2020, các con chung hiện đang sống cùng anh N. Chị S trình bày để các cháu gần ông bà nội và từ nhỏ các cháu đã sống cùng cha và ông bà nội nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của đương sự, giao các con chung cho anh N tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, chị S cấp dưỡng nuôi con chung mức 800.000đ/tháng/cháu, đồng thời có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm con để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Khi cần thiết, các đương sự có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị S không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

Về án phí: chị Võ Thị S phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 35, khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

\* Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chị Võ Thị S được ly hôn với anh Hồ Xuân N.

\* Về con chung: giao các cháu Hồ Xuân Q – sinh ngày 14/02/2010, Hồ Thị Xuân U – sinh ngày 07/8/2015 và Hồ Minh T – sinh ngày 24/5/2020 cho anh N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị S cấp dưỡng nuôi con chung mức 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng)/tháng/cháu. Thời gian cấp dưỡng nuôi con chung từ tháng 8/2022 cho đến khi phát sinh một trong các căn cứ chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm con để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Khi cần thiết, các đương sự có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

\* Về tài sản chung: Không giải quyết.

\* Về án phí: chị Võ Thị S phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng trước tại biên lai thu tiền số 0003891, ngày 25/4/2022 của Chi cục

thi hành án dân sự huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên nên còn phải nộp **300.000đ** (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

\* Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh PY;
- VKSND H.A;
- Chi cục THADS H. A;
- UBND xã D, h. A;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Thị Xuân Hương**